

Bản án số: 03/2023/DS-ST  
Ngày: 03-02-2023  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Tuấn Phương.
- Ông Đoàn Min Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Luyến –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx Nguyễn Trung T, khu phố T, huyện T, tỉnh L.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Võ Thị Q, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (văn bản ủy quyền ngày xx/x/2022). Có đơn đề nghị vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L và trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn là bà Võ Thị Q có đơn đề nghị vắng mặt có ý kiến như sau:*

Ngày 25/7/2022 bà L có cho bà Trần Thị Thùy T vay số tiền 222.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời gian 1 tháng, để làm kinh tế gia đình, có viết giấy nợ do bà T ký tên. Từ ngày vay đến nay, bà T không trả vốn và lãi nên bà L yêu cầu bà T trả số tiền vốn gốc 222.000.000đ và lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 25/7/2022 cho đến nay.

*Bị đơn bà Trần Thị Thùy T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Trần Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thùy T phải trả số tiền vay còn nợ nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và bà T hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án cấp tổng đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ là 222.000.000đ. Nguyên đơn có cung cấp Giấy mượn tiền ngày 25/7/2022 có nội dung: “...Tôi tên Trần Thị Thùy T có mượn của chị Trần Thị Ngọc L một số tiền 222.000.000đ, lãi suất 2% 1 tháng... thời gian trả nợ ngày 28/8/2022...” có chữ ký của bà T. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt cho bà T thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Trong các văn bản này, Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, .... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Vì vậy, có căn cứ xác định hiện bà Trang còn nợ số tiền vay của bà L. Căn cứ Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp

pháp. Xét, bà T không đến Tòa án và cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho mình xem như bà T từ chối việc cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên xác định bà Tg có nợ của bà L số tiền 222.000.000đ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L. Buộc bà Trần Thị Thùy T phải trả số tiền là 222.000.000đ cho bà Trần Thị Ngọc L.

[4] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 1,6%/tháng từ ngày 25/7/2022 cho đến nay. Xét, giấy mượn tiền ngày 25/7/2022 có thể hiện lãi suất 2%/tháng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 1,6%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, số tiền lãi được tính từ ngày 25/7/2022 đến ngày 03/02/2023 như sau:  $222.000.000đ \times 1,6\%/tháng \times (6 \text{ tháng } 09 \text{ ngày}) = 22.377.600đ$ .

[5] Như vậy, bà Trần Thị Thùy T phải trả cho bà Trần Thị Ngọc L tiền vốn vay, tiền lãi tổng cộng là  $222.000.000đ + 22.377.600đ = 244.377.600đ$ .

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc L chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị Thùy T.

Buộc bà Trần Thị Thùy T phải trả cho bà Trần Thị Ngọc L số tiền vay còn nợ là 244.377.600đ (Hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy T phải chịu số tiền 12.218.880đ (Mười hai triệu, hai trăm mười tám nghìn, tám trăm tám mươi đồng).

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**